TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC X - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/DS-ST
Ngày 27 - 3 - 2026
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Đến

2. Ông Lê Văn Thuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Trường, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực X - Cà Mau.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Trí, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 403/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Bùi Cẩm T**, sinh ngày 10/4/19XX. Địa chỉ: Ấp B, xã P, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số A cấp ngày 08/4/20XX.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà **Bùi Cẩm T**:* Ông **Đặng Văn B**, sinh ngày 20/11/19YY. Địa chỉ: Ấp B, xã P, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số B cấp ngày 12/5/20YY (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/10/2025) (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Liễu A**, sinh ngày 01/01/19ZZ. Địa chỉ: Ấp B, xã Phong Hiệp, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 095150005672 cấp ngày 02/7/2021 (Có yêu cầu xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Đặng Văn B**, sinh ngày 20/11/1970. Địa chỉ: Ấp 4, xã Phong Hiệp, tỉnh Cà Mau Căn cước công dân số 095070007937 cấp ngày 12/5/2022 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 15/10/2025, Bản tự khai ngày 11/11/2025, Biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2025 và tại phiên tòa, ông Đặng Văn B là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Cẩm T và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Bùi Cẩm T và bà Nguyễn Liễu A có quen biết nên ngày 29/02/2024 bà Liễu A có vay của bà T số tiền gốc là 17.000.000 đồng. Khi vay số tiền 17.000.000 đồng thì bà Liễu A có viết Biên nhận và cam kết thanh toán ngày 29/02/2024 và có lăn tay và ký tên vào Biên bản này. Biên nhận và cam kết thanh toán ngày 29/02/2024 có nội dung: "Bà Nguyễn Liễu A có nhận của bà Bùi Cẩm T 17.000.000 đồng, lãi suất là 800 đồng/ngày/triệu". Trong quá trình vay tiền bà Liễu A đã đóng lãi được cho Bà T số tiền 2.000.000 đồng nên bà T đồng ý đối trừ tiền lãi đã đóng này cho bà Liễu A.

Số tiền bà T cho bà Liễu A vay là tài sản chung của vợ chồng bà T và ông B nên nay bà T yêu cầu bà Liễu A thanh toán cho bà T và ông B số tiền vay gốc là 17.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/02/2024 đến khi Tòa án xét xử với mức lãi suất là 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng). Tiền lãi tính từ ngày 29/02/2024 đến ngày 27/3/2026 = (17.000.000 đồng x 1,67% x 24 tháng 27 ngày) - 2.000.000 đồng = 7.055.000 đồng - 2.000.000 đồng = 5.055.000 đồng. Ngoài ra, bà T và ông B không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2026, bị đơn bà Nguyễn Liễu A trình bày: Bà Liễu A thừa nhận còn nợ bà T số tiền gốc là 17.000.000 đồng, quá trình vay tiền bà Liễu A đã đóng lãi được cho bà T và ông B số tiền 2.000.000 đồng. Nay bà Liễu A đồng ý trả cho Bà T và ông B số tiền gốc 17.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi từ ngày vay đến khi Tòa án xét xử với mức là 1,67%/tháng nhưng trừ đi số tiền lãi 2.000.000 đồng mà bà Liễu A đã đóng. Ngoài ra, bà Liễu A không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử đã đảm bảo nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử phiên tòa sơ thẩm và sự có mặt của Thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự do vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 12 và điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận

toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà Liễu A. Buộc bà Liễu A thanh toán cho bà T và ông B số tiền vay gốc 17.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1,67%/tháng từ ngày 29/02/2024 đến ngày 27/3/2026 là 5.055.000 đồng. Bà Liễu A là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà T khởi kiện yêu cầu bà Liễu A thanh toán cho bà T và ông B số tiền vay gốc 17.000.000 đồng và tiền lãi. Bà Liễu A hiện cư trú tại ấp 4, xã Phong Hiệp, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85 sửa đổi, bổ sung một điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[1.2] Bà Liễu A đã được triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Bà Liễu Ac ó yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Liễu A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà T yêu cầu bà Liễu A có nghĩa vụ thanh toán cho bà T và ông B số tiền vay gốc là 17.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà T cung cấp bản gốc Biên nhận và cam kết thanh toán ngày 29/02/2024 thể hiện bà Liễu A vay của bà T số tiền 17.000.000 đồng (Bút lục 40). Tại Biên bản lấy lời khai 25/3/2026, bà Liễu A thừa nhận còn nợ bà T số tiền 17.000.000 đồng và bà Liễu A đồng ý thanh toán số tiền 17.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Xét đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, việc bà T yêu cầu bà Liễu A thanh toán cho bà T và ông B số tiền vay gốc 17.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu của b**à T** về việc yêu cầu **bà Liễu A** thanh toán tiền lãi kể từ ngày 29/02/2024 đến khi Tòa án xét xử (ngày 27/3/2026) với mức lãi suất là 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng). Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: "*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*". Tại Biên nhận và cam kết thanh toán ngày 29/02/2024, hai bên thỏa thuận 1.000.000 đồng mỗi ngày phải chịu lãi là 800 đồng. Như vậy, lãi suất do hai bên thỏa thuận là 2,4%/tháng (tương đương 28,8%/năm) là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, khi khởi kiện bà T chỉ yêu cầu lãi suất là 1,67% (tương đương là 20%/năm) là có cơ sở nên được chấp nhận. Do đó, số tiền lãi bà Liễu A phải thanh toán theo quy định pháp luật, kể từ ngày 29/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/3/2026), bằng: 17.000.000 đồng x 24 tháng 27 ngày

x 1,67%/tháng (20%/năm : 12 tháng) = 7.055.000 đồng. Các đương sự đều thống nhất xác định trong quá trình vay, bà Liễu A đã đóng lãi được số tiền 2.000.000 đồng nên được đối trừ. Như vậy, số tiền lãi bà Liễu A còn phải thanh toán là 7.055.000 đồng - 2.000.000 đồng = 5.055.000 đồng.

[2.3] Như vậy, tổng cộng nợ gốc và lãi mà bà Liễu A có trách nhiệm thanh toán cho bà T và ông B là 22.055.000 đồng.

[2.4] Khi vay tiền bà Liễu A có giao cho bà T bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 268755 để làm niềm tin. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp, các bên có tranh chấp về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án khác.

[2.5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận toàn bộ nên bà Liễu Aphải chịu án phí 5% trên tổng số tiền mà bà Liễu A có trách nhiệm thanh toán cho bà T và ông B. Tuy nhiên, bà Liễu A là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật; bà T không phải nộp án phí, đã nộp tạm ứng 510.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002373 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại.

[3] Như đã phân tích, các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85 sửa đổi, bổ sung một điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 12 và điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.3 Phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

Tuyên xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Cẩm T đối với bà Nguyễn Liễu A về việc yêu cầu thanh toán cho bà Bùi Cẩm T và ông Đặng Văn B tổng số tiền 22.055.000 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) và tiền lãi là 5.055.000 đồng (Năm triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

2. Buộc bà Nguyễn Liễu A phải có nghĩa vụ thanh toán cho Bùi Cẩm T và ông Đặng Văn B tổng số tiền 22.055.000 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm năm

mươi lăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) và tiền lãi là 5.055.000 đồng (Năm triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí:

4.1. Bà Nguyễn Liễu A là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp án phí.

4.2. Bà Bùi Cẩm T không phải nộp án phí, đã nộp tạm ứng án phí 510.000 đồng (Năm trăm mười nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002373 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực X - Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Nhựt